

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 6 – 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hương
2. Ông Lưu Văn Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đồng Mây Hồng Tuyên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Thuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 21/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 399/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Ngọc G, sinh năm 1997. (có mặt)

Địa chỉ: Số A đường N, phường Đ, Tp. P, Ninh Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trương Thành T, sinh năm 1993. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội B, Phân trại K, Trại giam S, Cục C10 Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2022 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc G trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trương Thành T chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, Tp. P ngày 18/5/2015. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, ông T chơi bài bạc, nghiện ma túy, đánh đập, chửi bới và không quan tâm đến vợ con, nhiều lần bà khuyên bảo nhưng ông T vẫn không thay đổi. năm 2020 ông T bị bắt và phải đi chấp hành án tại trại giam S về tội mua bán trái phép chất ma túy, cũng từ năm 2020 đến nay vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm thăm hỏi nhau. Nay tình cảm của bà với ông T không còn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm P, sinh 24/3/2015 hiện đang sống với bà, bà yêu cầu tiếp tục được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Hiện bà đang làm công nhân, thu nhập trung bình mỗi tháng 6 triệu đồng, đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2023 bị đơn ông Nguyễn Trương Thành T trình bày:

Ông và bà Đào Thị Ngọc G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, Tp. P. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm P, sinh 24/3/2015. Hiện ông đang chấp hành án tại Đội 17, Phân trại số 1, trại giam S với mức hình phạt 15 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Nay bà G xin ly hôn ông đồng ý ly hôn với bà G. Về con chung: Ông đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Diễm P, sinh 24/3/2015 cho bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn Trương Thành T có đơn xin giải quyết vắng mặt, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 BLTTDS là có căn cứ.

Về nội dung: Bà Đào Thị Ngọc G và ông Nguyễn Trương Thành T chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông T hiện đang chấp hành án tại Trại giam S từ năm 2020 đến nay. Nay bà G xin ly hôn, ông T đồng ý theo yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của bà G. Đề nghị HĐXX, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc G. Về con chung: Nguyên vọng cháu Nguyễn Thị Diễm P được sống với mẹ, mặt khác hiện ông T đang phải chấp hành án tại Trại giam S, ông đồng ý giao con cho bà G nuôi dưỡng. Nên giao cháu Phúc cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà G không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Đào Thị Ngọc G khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện N xin ly hôn với ông Nguyễn Trương Thành T trú tại thôn L, xã P, huyện N và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện N thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Trương Thành T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung khởi kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Ngọc G và ông Nguyễn Trương Thành T chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, Tp. P ngày 18/5/2015 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng về quan điểm sống, ông T hiện đang chấp hành án tại Trại giam S từ năm 2020 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm. Nay bà G xin ly hôn với ông T, ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà G.

Về con chung: Bà Đào Thị Ngọc G và ông Nguyễn Trương Thành T có một người con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm P, sinh 24/3/2015 hiện đang sống với bà G. Nay ông T đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm P cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Mặt khác xét nguyện vọng của cháu Phúc được sống với bà G, nên giao con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm P cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà G không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự như trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ các Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con của các đương sự.

Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của bà G.

[3] Về án phí: Bà G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đào Thị Ngọc G và ông Nguyễn Trương Thành T.

2/. Về con chung: Bà Đào Thị Ngọc G có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm P, sinh 24/3/2015. Ông Nguyễn Trương Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà G không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị Ngọc G phải chịu 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0002851, ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Bà G đã nộp đủ án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4/. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/6/2023), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND N;
- Chi cục THADS N;
- Các đương sự;
- UBND P.Đ, PR-TC;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lê Thị Hường

Mai Thị Huyền Trang

Vũ Văn Cường

